

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68 /2019/DS- ST
Ngày: 14-10-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước

2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn:

Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1978. Trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ủy quyền cho anh Phan Văn D, sinh năm 1989. Trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1965. Trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969. Trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết V

Anh D có đơn xin vắng mặt, bà V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Văn D trình bày:

Từ năm 2011 anh Nguyễn Chí T có hợp đồng bằng lời nói về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo với bà Nguyễn Thị Tuyết V và ông Nguyễn Văn H. Hai bên thỏa thuận là bán heo thanh toán tiền, thời gian bán heo là khoảng 04 đến 05 tháng. Đến tháng 03/2017 thì hai bên kết thúc việc mua bán với nhau do bà V và ông H nhiều lần bán heo nhưng không thanh toán đủ tiền thức ăn cho anh Tâm.

Đến ngày 12/5/2018 hai bên tổng kết nợ, bà V và ông H còn nợ anh T số tiền 300.753.000 đồng, bà V có đại diện ký tên xác nhận còn nợ. Tuy nhiên từ tháng 5/2018 đến nay bà V, ông H chỉ thanh toán cho anh T được 04 lần với số tiền 35.000.000 đồng. Hiện nay bà V và ông H còn nợ anh T số tiền 265.753.000 đồng. Do nhiều lần yêu cầu nhưng bà V, ông H không thanh toán nợ cho anh T nên anh T khởi kiện ra Tòa. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết được hòa giải thành thì anh T chỉ yêu cầu bà V và ông H liên đới trả số tiền 265.753.000 đồng. Trường hợp nếu không hòa giải thành được thì anh T yêu cầu bà V và ông H liên đới trả nợ gốc là 265.753.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 0,75%/tháng tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi thanh toán tất nợ. Trong đơn khởi kiện anh T yêu cầu bà V và ông H liên đới trả nợ gốc là 270.753.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 0,75%/tháng tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi thanh toán tất nợ. Anh D đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày là chỉ yêu cầu bà V và ông H liên đới trả số tiền 265.753.000 đồng, không yêu cầu tính lãi kể cả lãi chậm thi hành án, rút yêu cầu đối với số tiền 5.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi chậm trả là 0,75%/tháng tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi thanh toán tất nợ.

Bị đơn đồng thời đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:

Từ năm 2011 bà có hợp đồng bằng lời nói về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo với đại lý của anh Nguyễn Chí T. Hai bên thỏa thuận là khi nào có heo ra chuồng thì sẽ thanh toán tiền thức ăn. Tuy nhiên, thời gian những năm gần đây do việc nuôi heo bị thua lỗ nên bà có nợ tiền thức ăn của anh T. Ngày 12/5/2018 bà có ký tên vào giấy xác nhận còn nợ anh T số tiền 300.753.000 đồng và hứa sẽ thanh toán bớt số nợ sau mỗi lần cân heo. Từ sau khi ký giấy xác nhận nợ thì bà có trả cho anh T được số tiền 35.000.000 đồng. Cụ thể, ngày 08/6/2018 (âm lịch) trả 20.000.000 đồng, ngày 27/12/2018 (âm lịch) trả 6.000.000 đồng, ngày 14/4/2019 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng và có một lần bà trả 4.000.000 đồng trong năm 2018 nhưng bà không có ghi ngày trả. Việc chăn nuôi heo là để phát triển kinh tế gia đình, chồng bà cũng biết và cũng có phụ bà trong việc chăn nuôi. Nay bà thừa nhận còn nợ anh T số tiền thức ăn là 265.753.000 đồng nhưng bà yêu cầu thực hiện theo thỏa thuận trong giấy xác nhận ngày 12/5/2018 là thanh toán bớt nợ sau mỗi lần cân heo. Bà đồng ý trả cho anh T 4.000.000 đồng một lần và 04 tháng thì bà trả một lần. Tại phiên tòa bà V xin cho bà và ông H trả dần cụ thể là khi ra heo trả 4.000.000 đồng nhưng không xác định thời gian bao lâu thì ra heo, trả cho đến hết nợ. Ông H đồng ý cùng bà liên đới trả 265.753.000 đồng cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

Anh Phan Văn D có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh D là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Việc đại diện nguyên đơn rút yêu cầu đòi với số tiền 5.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi chậm trả là 0,75%/tháng tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi thanh toán tất nợ là tự nguyện, phù hợp qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ là phù hợp.

Giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi giữa các bên được hai bên các bên thừa nhận có thật, phía bà V thừa nhận còn nợ anh T số tiền 265.753.000 đồng tiền thức ăn như phía anh T yêu cầu. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh nên có cơ sở khẳng định bà V còn nợ anh T 265.753.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi. Tuy nhiên, bà V đồng ý trả nhưng trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng đại diện phía ông T không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, các bên thỏa thuận từ ngày mua thức ăn đến ngày trả tiền là khi heo ra chuồng trong khi đó bà V lấy thức ăn lần cuối vào tháng 3/2017 và bà đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả tiền của bên mua nên buộc bà V phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ là 265.753.000 đồng cho anh T là phù hợp.

Đối với ông H là chồng bà V mặc dù không trực tiếp tham gia hợp đồng mua bán thức ăn với anh T, tuy nhiên việc bà V mua thức ăn nuôi heo là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình, ông H cũng đồng ý cùng bà V liên đới trả nợ, do đó căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc ông Nguyễn Văn H phải liên đới cùng với bà V trả cho anh T số tiền nợ thức ăn 265.753.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà V, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 217, điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các điều 430, 431, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,75%/tháng từ ngày 01/6/2018 đến khi thanh toán tất nợ.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Chí T.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết V và ông Nguyễn Văn H liên đới trả cho Nguyễn Chí T số tiền 265.753.000 (Hai trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn) đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Tuyết V và ông Nguyễn Văn H phải liên đới nộp là 13.287.500 (Mười ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Chí T số tiền tạm ứng án phí là 7.479.500 (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005405 ngày 08-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Dương sự (03b);
- Lưu HS, VP (03b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

